TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 545/2022/HNGĐ-ST Ngày 25 - 4 - 2022 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Tuyết Ph, sinh năm: 1986 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10K, đường số 115, tổ 13, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Võ Thành H, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10K, đường số 115, tổ 13, ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 45/1 đường Tr, tổ 63, ấp Ph, xã Ph1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 30/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Đặng Thị Tuyết Ph trình bày:*

Bà và ông Võ Thành H tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Sau khi xây dựng gia đình xong, bà và ông H sống tại nhà cha mẹ chồng, sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H sinh tật cờ bạc gây ra nợ nần, chủ nợ thuê giang hồ đến nhà đòi nợ phải cầm xe để trả nợ, bà cũng phải gồng gánh nợ cùng ông H, vì mệt mỏi nên bà đã nộp đơn xin ly hôn và về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2015, do ông H hứa hẹn, cam kết không cờ bạc nữa nên bà vì muốn con cái có một gia đình hạnh phúc đã rút đơn lại, ông H về bên nhà bà sống, bà cứ nghĩ ông H thật tâm sửa đổi nhưng đến tháng 5/2021 ông H lại tiếp tục gây ra nợ nần và bỏ về bên nhà chồng sống cho đến nay, không còn quan tâm đến vợ con, vợ chồng bà cũng ly thân từ

tháng 5/2021, bà nhận thấy bà đã cho ông H cơ hội nhưng ông H không sửa đổi, bà không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà và ông H có 01 con chung tên Võ Khánh Đ, sinh ngày 07/02/2014, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Võ Thành H vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 30/12/2021, bà Đặng Thị Tuyết Ph yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Võ Thành H, con chung có 01 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông H cư trú tại số 45/1 đường Tr, tổ 63, ấp Ph, xã Ph1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Võ Thành H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (em ông H là bà Võ Thị R và ông Trần Tấn S nhận thay các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Thị Tuyết Ph và ông Võ Thành H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 24/7/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà Ph thì bà và ông H tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống bên gia đình ông H, có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra vào năm 2015 do ông H cờ bạc gây ra nợ nần làm bà phải phụ trả nợ, giang hồ đến nhà đòi nợ phải cầm cố tài sản để trả, bà đã từng nộp đơn xin ly hôn 01 lần vào năm 2015, ông H hứa hẹn sửa chữa, khắc phục nhưng sau đó vẫn chứng nào tật nấy,từ tháng 5/2021 cho đến nay ông H về nhà cha mẹ ông H sống, hai bên cũng ly thân từ đó, bà nhận thấy giữa bà và ông H không còn hạnh phúc, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông H không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà Ph, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà Ph cung cấp, bà Ph và ông H không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải

xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà Ph và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông H là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà Ph và ông H có 01 con chung tên Võ Khánh Đ, sinh ngày 07/02/2014, bà Ph yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Đ hiện đang sống cùng mẹ và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Ph không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà Ph, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà Ph có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà Ph xác định bà và ông H tự thỏa thuận, không tranh chấp.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Ph xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Đặng Thị Tuyết Ph về việc cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Tuyết Ph và ông Võ Thành H.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 24/7/2013 cho bà Ph và ông H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Ph và ông H có 01 con chung tên Võ Khánh Đ, sinh ngày 07/02/2014.

Giao cháu Đ cho bà Ph được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ph về việc tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Ph xác định bà và ông H tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Ph xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0043765 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T,
huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA